



BÀI DỰ THI

**TÌM HIỂU GIÁ TRỊ
LỊCH SỬ - VĂN HÓA
ĐỒNG NAI 2014**

Đề thi:

Hãy trình bày cảm nhận và ý kiến về một danh nhân văn hóa hoặc một nhân vật lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mà bạn tâm đắc nhất

**THI TƯƠNG
CHIẾN KHU XANH**

HUYNH VĂN NGHỆ



THI TƯỚNG CHIẾN KHU XANH HUỲNH VĂN NGHỆ

Là nhân vật lịch sử mà em tâm đắc nhất và chọn làm nhân vật cho bài dự thi Tìm hiểu giá trị lịch sử - văn hóa Đồng Nai 2014 của mình.

Hàng năm, vào ngày 16 tháng Giêng âm lịch, tại xã Thường Lang, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, luôn có hàng trăm đồng bào, chiến sĩ ở miền Đông tụ hội về để đốt nén nhang thơm tưởng nhớ đến ông Huỳnh Văn Nghệ - người anh hùng của quê hương, đất nước, Thi tướng của Chiến khu Xanh. Ông ngoại em cũng nhiều lần đến dự.

Khi biết em quyết định tham gia cuộc thi này và chọn ông Huỳnh Văn Nghệ làm nhân vật cho bài viết của mình, ông ngoại em nói: “Ông Huỳnh Văn Nghệ là cấp trên của ông ngoại đó con”, và ông ngoại còn kể: “Lúc đó ông ngoại mới 13 tuổi, một lần ông Nghệ đến thăm bà cố của con (là má của ông ngoại), không biết có mối liên hệ thế nào mà bà cố của con biểu ông ngoại gọi ông Nghệ là cậu Tám. Khi ông Nghệ về, bà cố kêu ông ngoại lấy ghe đưa cậu Tám qua Tân Ba. Sau đó vài tháng, ông ngoại trốn nhà lội qua sông, vào rừng theo ông nghệ. Ông ngoại giờ là cựu chiến sĩ Vệ quốc đoàn Biên Hòa, đã từng là lính của ông Huỳnh Văn Nghệ”.

Nói đến ông Huỳnh Văn Nghệ, ông ngoại luôn tự hào: “Ông Tám Nghệ là 1 ông tướng văn võ song toàn; Chỉ huy đánh giặc giỏi, làm thơ hay”.!

Lục tìm trong Hỏi đáp về Biên Hòa - Đồng Nai phần Nhân vật & Sự kiện, em được biết:

Ông Huỳnh Văn Nghệ sinh ngày 2-2-1914 tại làng Tân Tịch, huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay là xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Học ở trường Pétrus Ký. Năm 1936-1939, làm viên chức Sở xe lửa Sài Gòn, ông tham gia phong trào Đông Dương Đại hội tại đây.

Năm 1945, ông trực tiếp tham gia cướp chính quyền ở Biên Hoà. Ông được giao các chức vụ: cố vấn cho Ủy ban Kháng chiến miền Đông, Chỉ huy trưởng Giải phóng quân Biên Hoà, Khu trưởng khu 7, Phó tư lệnh rồi Tư lệnh Bộ Tư lệnh khu 7. Ông Huỳnh Văn Nghệ nổi tiếng là một nhà lãnh đạo quân sự tài ba trong thời kỳ kháng Pháp ở vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ.

Ông là một trong những người thành lập và lãnh đạo lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên ở Biên Hòa. Tên tuổi của ông gắn liền với Chiến khu Đ - căn cứ cách mạng nổi tiếng trên vùng đất miền Đông Nam Bộ, với lực lượng vũ trang Chi đội 10 mà người Biên Hòa gọi với cái tên thân thương là bộ đội “Tám Nghệ”.

Dưới sự lãnh đạo của ông Huỳnh Văn Nghệ, lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông, Khu 7 đã thực hiện nhiều trận tấn công, làm nên những chiến thắng vẻ vang như: trận tấn công tỉnh lỵ Biên Hòa, Bàu Cá, Trảng Bom, La Ngà, Bến Sắn... Cấp quân hàm cao nhất của ông là thượng tá, nhưng nhân dân ngưỡng mộ gọi ông là tướng.

Giữa năm 1953, ông ra miền Bắc ở lại công tác 12 năm trong quân đội với chức vụ Phó Cục trưởng Cục quân huấn. Sau này, ông tham gia công tác trong ngành lâm nghiệp với chức vụ Tổng cục phó Tổng cục Lâm nghiệp. Từ năm 1965, ông trở về miền Nam trực tiếp tham gia chống Mỹ. Sau năm 1975, ông là Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp. Huỳnh Văn Nghệ mất năm 1977 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài tài năng thiên bẩm về quân sự, Huỳnh Văn Nghệ được biết đến với tư cách là một nhà thơ. Ông làm thơ từ năm 21 tuổi. Những bài thơ viết về cuộc đời, thân phận của người dân trong cảnh sống lầm than khi nước nhà còn bóng quân xâm lược.

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp ở chiến khu Đ, nhiều tác phẩm của ông Huỳnh Văn Nghệ phản ánh sinh động về đời sống, quá trình trưởng thành của lực lượng cách mạng, về người mẹ, về đồng đội, Tổ quốc với nhiều sắc thái. Một tuyển tập thơ văn Huỳnh Văn Nghệ do Nhà xuất bản Đồng Nai thực hiện, giới thiệu 3 hồi ký, 5 truyện ngắn và 43 bài thơ của ông. Đó chỉ là những tác phẩm của ông mà những người thực hiện sưu tầm được.

Khi nhắc đến ông Huỳnh Văn Nghệ, hình ảnh được nhiều người khắc họa đẹp về ông là một chiến sĩ, nhà thơ, tay gươm, tay bút xông xáo trên mọi chiến trường. Hai câu thơ trong bài Nhớ Bắc của ông Huỳnh Văn Nghệ như một “tuyên ngôn” của đất và người Nam Bộ hướng về cội nguồn Tổ quốc:

*Từ độ mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*

“Võ tướng - Thi nhân”, người đương thời gọi Huỳnh Văn Nghệ như thế. Ông làm thơ rất ít. Đối với ông nói và làm chưa đủ mà đôi lúc phải cầu viện đến thơ mới bày tỏ hết nỗi niềm yêu thương và thù hận tận đáy lòng. Như giáo sư Hoàng Như Mai viết: “Huỳnh Văn Nghệ làm thơ không phải vì danh giá, lợi lộc, ghi tên tuổi cho hậu thế gì hết... Đọc thơ ông ta càng thấm thía câu thơ của Bác Hồ “Nay ở trong thơ nên có thép”.

Có lẽ trong “sự nghiệp” thơ văn của Huỳnh Văn Nghệ, bài thơ “Nhớ Bắc” được đánh giá cao nhất. Sau đây là toàn văn bài thơ:

Nhớ Bắc

*Ai về Bắc, ta đi với
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng
Từ độ mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*

*Ai nhớ người chăng? Oi Nguyễn Hoàng!
Mà ta con cháu mấy đời hoang
Vẫn nghe trong máu sầu xa xứ
Non nước rông thiên nặng nhớ thương.*

*Vẫn nghe tiếng hát thời quan họ
Xen nhịp từng câu vọng cổ buồn
Vẫn thương nhớ mùa vải đỏ
Mỗi lần man mác hương sầu riêng*

*Sứ mạng ngàn thu dễ dảm quên
Chinh Nam say bước quá xa miền
Kinh đô nhớ lại... Ôi đất Bắc!
Muốn trở về quê, mơ cánh tiên.*

*Chiến khu Đ 1946-1958
Huỳnh Văn Nghệ*

Tìm hiểu thêm trên

http://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BB%B3nh_V%C4%83n_Ngh%E1%BB%87

em được biết:

Trước khi sinh ra ông, gia đình ông từng sống du cư bằng ghe trên sông Bao Ngựợc^[3]. Năm 1903, gia đình ông gặp một trận bão lớn cuốn hết cả gia tài và hai người con đầu.^[4]

Sau trận bão đó, gia đình ông lưu lạc lên lập nghiệp ở vùng Tân Uyên. Cha của ông là ông Huỳnh Văn Tồn, từng học võ và biết chữ Nho, sống bằng nghề đi săn, nhưng có lúc phải đi làm mướn (cưa gỗ) để sinh kế. Là một người khảng khái, mặc dù chính quyền thực dân cấm, ông Tồn vẫn lén lút dạy võ cho thanh niên trong làng và từng được hương chức làng mời ra làm hương tuần^[5] nhưng ông Tồn không nhận^[4]. Mẹ ông là bà Đoàn Thị Hiền, sinh năm Canh Thìn (1880), làm nghề gánh hàng bán cau khô, vải, nước mắm, thường đi chợ Tân Uyên để mua hàng về bán cho các làng lân cận như Tân Hòa, Mỹ Lộc...^[4]

Huỳnh Văn Nghệ là con thứ 7 trong gia đình nên còn gọi là Tám Nghệ^[6]. Trừ 2 người đầu mất tích do bão lũ năm 1903, và người thứ ba và thứ sáu mất sớm, ông có một người anh thứ tư (Năm Thọ) và người chị thứ năm (Sáu Yển) và 2 người em út (Chín Lưỡng và Mười Mẫn). Như thông tục thời bấy giờ, ông còn được cha mẹ gọi là Ngô hoặc Ngãi^[7].

Tuy nhà nghèo, nhưng ông được hưởng một nền giáo dục rất tốt, được cha dạy dỗ về căn bản cả văn lẫn võ, được gia đình chăm lo ăn học đến nơi đến chốn. Ông được cho đi học bậc tiểu học tại làng Mỹ Lộc, quận Tân Uyên và học rất giỏi. Nhờ đó, năm 1928, sau khi tốt nghiệp bậc tiểu học, ông đã giành được học bổng bậc trung học của Trường Petrus Ký. Sau khi lên Sài Gòn học ít lâu, cha ông tử nạn bởi bị rắn độc cắn. Toàn bộ gia đình ông trông nhờ vào người mẹ buôn bán nhỏ và người anh làm thầy giáo ở quê nhà.

Bước đầu hoạt động cách mạng

Từ nhỏ, ông chịu ảnh hưởng tinh thần yêu nước của gia đình. Khi

học bậc trung học tại trường Petrus Ký tại Sài Gòn, ông thường xuyên có thái độ bài Pháp thực dân và có thể đã có những tiếp xúc đầu tiên với những người Cộng sản. Trong tự truyện của mình, ông có ghi lại tên người Cộng sản đầu tiên tiếp xúc với ông tên là Phụng, gặp khi ông và người đó cùng chữa trị tại bệnh viện..

Sau khi tốt nghiệp với bằng Thành chung vào năm 1932, ông vào làm công chức tại Sở Hỏa xa Đông Dương (Sài Gòn). Thời gian này, ông được các cán bộ Cộng sản vận động, tham gia phong trào Đông Dương Đại hội vào năm 1936, một phong trào vận động thu thập dân nguyện đề nghị cải cách với chính quyền thực dân Pháp, bắt đầu hoạt động làm thơ, viết báo (tiếng Việt, tiếng Pháp) đăng trên các báo ở Sài Gòn với bút danh Hoàng Hồ. Năm 1937, ông được bí mật kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất.

Năm 1940, Khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra và bị chính quyền thực dân đàn áp khốc liệt. Vì là một đảng viên bí mật nên thân phận của ông không bị bại lộ. Nhưng do việc thường xuyên tiếp tế cho một bộ phận nghĩa quân rút về lập căn cứ ở Tân Uyên, năm 1942, ông bị phát hiện và bị truy bắt. May mắn là ông kịp đào thoát sang Thái Lan. Tại đây, ông hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước, tổ chức xuất bản tờ báo Hồn cố hương, kêu gọi Việt kiều bào hướng về Tổ quốc, ủng hộ cách mạng.

Hoạt động quân sự tại miền Đông Nam Bộ

Năm 1944, ông trở về nước bắt liên lạc với Trần Văn Giàu, Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ và được giao lập khu nghĩa quân Đất Cuốc tại quê hương Tân Uyên, Biên Hòa.

Tháng 7 năm 1945, lần thứ hai ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, Thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong tại Biên Hòa, và tham gia Tổng khởi nghĩa tháng Tám, trực tiếp chỉ huy bắt sống Tỉnh trưởng và cảnh sát trưởng tỉnh Biên Hòa. Ông được giao nhiệm vụ chỉ huy trưởng lực lượng Giải phóng quân Biên Hòa, cố vấn cho Ủy ban kháng chiến miền Đông.

Chính quyền cách mạng giao cho ông trọng trách mang hơn 10 vạn

đồng (tiền Đông Dương) qua Campuchia mua vũ khí về phục vụ cách mạng nhưng hai kẻ môi giới cầm tiền đã bỏ trốn, khiến ông không hoàn thành nhiệm vụ. Sau này hai kẻ môi giới lừa bịp đã bị bắt.

Cuối tháng 9 năm 1945, Sài Gòn bị Pháp chiếm, luật sư Dương Văn Giáo, một trong những lãnh đạo Việt Nam phục quốc đồng minh hội, đứng ra thành lập chính phủ Nam kỳ Cộng hòa quốc. Huỳnh Văn Nghệ đã trực tiếp tham gia bắt sống Dương Văn Giáo.^[8]

Ngày 25 tháng 10 năm 1945, Pháp đánh chiếm Biên Hòa, Thủ Dầu Một. Ngày 22 tháng 10 Ủy ban kháng chiến miền Đông rút ra Xuân Lộc, Phan Thiết. Một bộ phận 40 người và 30 súng trường do ông chỉ huy trở về Tân Tịch, ấp Đất Cuốc huyện Tân Uyên dựa vào rừng quê hương làm căn cứ xây dựng lực lượng chống thực dân Pháp, gọi là bộ đội Huỳnh Văn Nghệ.^[9] Căn cứ Tân Uyên được ông bố trí phòng ngự vững chắc, vận động nuôi ăn cho đơn vị tỉnh và bộ đội các tỉnh bạn về đây theo lệnh của Khu trưởng Nguyễn Bình, bảo vệ Khu bộ, tiếp liệu cho các công binh xưởng của khu. Không bao lâu, Tân Uyên trở thành một trong những căn cứ vững mạnh nhất ở Nam bộ.

Tháng 4 năm 1946 ông được cử làm Phó Chủ tịch kiêm Ủy viên Quân sự của Ủy ban Hành chính tỉnh Biên Hòa.^[10]

Chỉ huy Chi đội 10 Vệ quốc đoàn Nam Bộ

Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ 2, trên địa bàn tỉnh Biên Hoà có 3 tổ chức vũ trang yêu nước là: Vệ quốc đoàn Châu Thành, Vệ quốc đoàn Long Thành, Vệ quốc đoàn Biên Hoà.

Vệ quốc đoàn Châu Thành do quận uỷ Châu Thành xây dựng, bao gồm một bộ phận Thanh niên Tiền phong và lực lượng công đoàn xung phong của nhà máy cưa BIF. Lực lượng này có khoảng 60 chiến sĩ, được tổ chức thành 5 tiểu đội do Doãn Tiến Nghiệp chỉ huy. Đơn vị đứng chân hoạt động tại khu vực Tân Phú – Thiện Tân. Sau này, Lê Văn Ngọc thay thế Doãn Tiến Nghiệp chỉ huy nên người dân địa phương gọi là “bộ đội Sáu Ngọc”

Vệ quốc đoàn Long Thành do Quận uỷ Long Thành xây dựng với 27

chiến sĩ, gọi tên là “Cộng hoà vệ binh”. Lực lượng này có nhiều biến động, trong đó có việc tiếp nhận một số lực lượng từ Sài Gòn đến và cán bộ từ Trại du kích Vĩnh Cửu. Sau nhiều lần thay đổi tên gọi và tiếp nhận lực lượng, đến tháng 1 năm 1946, lực lượng này mang tên là Vệ quốc đoàn Châu Thành, do Huỳnh Văn Đạo chỉ huy.

Tháng 5 năm 1946, Hội nghị Quân sự tỉnh Biên Hoà tổ chức tại Chiến khu Đ và quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang Biên Hoà. Vệ Quốc đoàn Châu Thành sáp nhập với Vệ quốc đoàn Biên Hoà do Huỳnh Văn Nghệ làm chỉ huy. Lúc này, Vệ quốc đoàn Long Thành còn hoạt động độc lập.

Tháng 6 năm 1946, Khu 7 mở Hội nghị Quân sự toàn Khu tại Đông Thành, quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang mỗi tỉnh và tổ chức thành Chi đội. Tại Biên Hoà, Vệ quốc đoàn Long Thành sáp nhập vào Vệ quốc đoàn Biên Hoà. Từ đây, lực lượng vũ trang yêu nước tại Biên Hoà hình thành Chi đội 10. Sau đó ông làm Chi đội trưởng Chi đội 10 Vệ quốc đoàn Nam Bộ (tương đương trung đoàn) hoạt động tại địa bàn Biên Hòa.[11]. Ban Chỉ huy Chi đội gồm: Huỳnh Văn Nghệ – Chi đội trưởng, Nguyễn Văn Lung – Chi đội phó và Phan Đình Công – Chính trị viên.

Quân số của Chi đội 10 trên 2.000 người, được tổ chức thành 3 đại đội với phiên hiệu A, B, C. Đại đội A gồm 3 trung đội 1,2,3 do Võ Tinh Quân chỉ huy, đứng chân hoạt động trên địa bàn Tân Uyên, Chiến khu Đ; đại đội B gồm 3 trung đội 4,5,6 do Lê Văn Ngọc chỉ huy, đứng chân hoạt động trên địa bàn Xuân Lộc, Châu Thành; đại đội Công nhân gồm 2 trung đội 7,8 do Lương Văn Nho chỉ huy hoạt động ở địa bàn Long Thành.

Tháng 5 năm 1946, Tư lệnh Nam Bộ Nguyễn Bình phong cho ông làm Khu bộ phó Khu 7 (bấy giờ Khu bộ trưởng Khu 7 là Lê Văn Viễn, tức Bảy Viễn một thủ lĩnh lực lượng Bình Xuyên).

Ông đã chỉ huy nhiều trận đánh lớn tại miền Đông. Đặc biệt, với trận La Ngà ngày 1 tháng 3 năm 1948, đây là trận giao thông chiến lớn nhất Nam bộ kể từ ngày giặc Pháp tái chiếm nước ta. Quân ta tiêu

diệt 2 đại đội địch, 63 xe camions và thiết giáp, giết hai tên quan năm De Désarigné và Barasat, bắt sống một số sĩ quan địch, trong đó có tên quan ba Goffrey bị thương. Đơn vị ông được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương Chiến công, riêng Trung đoàn trưởng Huỳnh Văn Nghệ được đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thưởng riêng một áo trấn thủ.

Tư lệnh quân khu VII

Sau tháng 7/1948, Huỳnh Văn Nghệ nhận nhiệm vụ Khu Trưởng Khu 7, cùng Chính ủy Khu 7 Nguyễn Văn Trí xây dựng căn cứ mới của Khu, thành lập Bộ đội chỉ lực Khu 7, lấy tên là Bộ đội 303. Năm 1949, khi phát hiện một du kích đánh được tháp canh của địch, nghiên cứu sáng kiến cách đánh tháp canh này của du kích, ông phát triển chiến thuật, giao cho Tham mưu trưởng Khu 7 Nguyễn Văn Lung (Ba Lung) phân công đồng chí Lê Quang Nghiêm tức họa sĩ Lê Du cùng với hai đồng chí cán bộ tham mưu Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Soái và Hoàng Trọng Đức điều nghiên, vẽ sơ đồ hệ thống tháp canh De La Tour phục vụ Bộ Tư lệnh tổ chức trận đánh đầu tiên ở Biên Hòa, hạ 30 tháp canh trong một đêm. Kết quả giết được nhiều địch, thu nhiều vũ khí. Sau đó ông đã phổ biến kỹ chiến thuật đánh tháp canh cho khắp các tỉnh ở Nam bộ, Liên khu 5 và Cao Miên, đập tan sáng kiến chiến lược tháp canh De La Tour của Tương De La Tour và giải quyết được sự bế tắc chiến thuật của Khu 7 lúc đó.

Năm 1950, sau khi sát nhập khu Sài Gòn - Chợ Lớn vào khu 7, Huỳnh Văn Nghệ là Phó Tư lệnh bộ Tư lệnh Khu 7.

Tỉnh đội trưởng Tỉnh Thủ Biên

Năm 1951 tỉnh Thủ Biên được thành lập trên cơ sở sát nhập 2 tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một trực thuộc Phân liên khu miền Đông gồm 9 huyện: Hớn Quản, Bến Cát, Lái Thiêu, Thủ Đức, Tân Uyên, Châu Thành, Sông Bé, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc và 2 thị xã: Thủ Dầu Một, Biên Hòa. Ông được cử làm Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng^[12]. Tỉnh đội Thủ Biên đề ra kế hoạch mở cuộc tiến công đánh diệt Chi khu Trảng Bom nhằm đột phá một mắt xích quan trọng trong hệ thống đồn

bót kèm tủa của địch ở khu vực xung quanh thị xã Biên Hòa; phá bàn đạp của địch đánh vào Chiến khu Đ.

Lực lượng tham gia trận đánh gồm tiểu đoàn 303, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa, đại đội Lam Sơn, du kích huyện Vĩnh Cửu, đội đặc công biệt động và đội pháo binh tỉnh Thủ Biên, lực lượng vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc. Ông trực tiếp chỉ huy trận đánh. Trận tiến công bất ngờ làm bọn địch không kịp trở tay. Sau 30 phút chiến đấu, quân ta tiêu diệt 50 lính Âu Phi, bắt sống 50 tên khác, phá hủy 1 xe tăng, thu 200 súng các loại (trong đó có 3 đại liên, 6 trung liên, hai súng cối 81 ly), hàng chục tấn đạn dược, lương thực, thực phẩm. Đây là trận đầu tiên tiêu diệt trung đoàn bộ binh thuộc địa (Régiment Infanterie Coloniale) của quân chính quy địch ở Nam bộ. Chiến thắng Trảng Bom đã tạo tiếng vang lớn trên chiến trường Biên Hòa và các tỉnh miền Đông Nam bộ đã góp phần xóa tan bàn đạp tiến công của địch vào các căn cứ kháng chiến của ta, đồng thời mở thông hành lang chiến lược từ chiến khu Đ về các huyện Long Thành và Bà Rịa, tạo điều kiện cho lực lượng kháng chiến liên lạc an toàn với chiến khu.^[13]

Năm 1953, ông được cử ra Bắc học tập và tiếp tục công tác trong Quân đội với hàm Thượng tá, Trưởng phòng Thể dục Thể thao, Phó Cục trưởng Cục Quân huấn thuộc Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam

-
- 1- Kỷ niệm 35 năm ngày mất anh hùng lực lượng vũ trang, nhà thơ, chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ: Một vị tướng văn võ song toàn
 - 2- Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ và bài thơ "Nhớ Bắc"
 - 3- Một đoạn sông Vàm Cỏ, hợp lưu với kinh Chợ Gạo từ Mỹ Tho chảy xuống hợp với sông Tra từ Gò Công sang, nổi tiếng nguy hiểm cho tàu bè.
 - 4- a ã ã Huỳnh Văn Nghệ, "Quê hương rừng thẳm sông dài" (Tự truyện).
 - 5- Một chút việc ở xã, trông coi việc canh phòng, tuần tra.
 - 6- Theo cách gọi gia đình của người miền Nam.
 - 7- Gọi trại tên con cho xấu đi để ma quỷ không bắt đi.
 - 8- Kể cảm đầu Chính phủ Việt gian đầu tiên ở Nam Bộ bị bắt như thế nào?, QĐND - Thứ Tư, 14/09/2011
 - 9- http://www.sugia.vn/portfolio/detail/829/di_tich_mieu_ba_dat_cuoc_noi_luu_giu_van_hoa_truyen_thong_tai_chien_khu_d_oai_hung.html
 - 10- <http://hdnd.dongnai.gov.vn/gioi-thieu/tieusu-tomtats/4551>
 - 11- <http://dongnai.vncgarden.com/su-kien-dhong-nai/su-hinh-thanh-cua-luc-luong-vu-trang-chi-doi-10-bien-hoa-thoi-ky-chong-phap>
 - 12- <http://hdnd.dongnai.gov.vn/gioi-thieu/tieusu-tomtats/5155>
 - 13- <http://www.vnweblogs.com/post/176/2493>

Đọc trên trang web của Hội Khoa học lịch sử Bình Dương có bài viết:

HUỲNH VĂN NGHỆ, NHÀ THƠ- CHIẾN SĨ

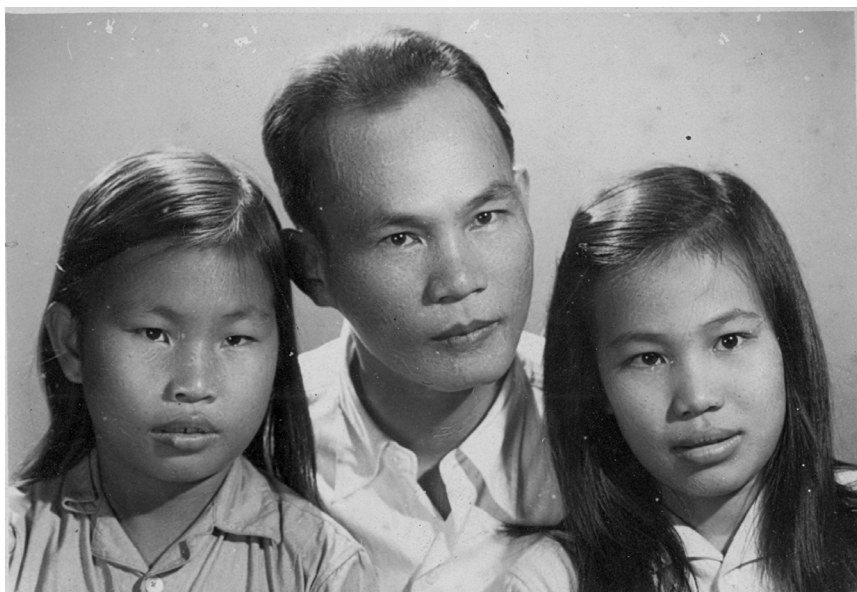
Ông không những là một nhà chỉ huy quân sự tài ba mà còn là một nhà báo, nhà thơ với nhiều tác phẩm khá nổi tiếng.

Nhiều người dân Nam Bộ yêu kính và triu mến gọi ông là “Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ”.

Tên tuổi ông được ghi trong sách Trí thức Sài Gòn - Gia Định, được đưa vào Từ điển danh nhân Việt Nam, Từ điển thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh, được đặt tên cho trường học ở Tân Uyên, nơi vùng đất chiến



Ông Huỳnh Văn Nghệ tại chiến khu Đ.



*Ông Huỳnh Văn
Nghệ và hai con
gái năm 1955.*

khu Đ năm xưa và một số đường phố ở Bình Dương, Biên Hòa, TP Hồ Chí Minh.

Huỳnh Văn Nghệ sinh ra và lớn lên ở một vùng quê nghèo nhưng giàu truyền thống chống giặc ngoại xâm. Cha ông là thầy dạy võ can trường, tuy bị quan lại ngăn cấm nhưng vẫn bí mật dạy võ cho thanh niên, bảo vệ người nghèo, chống áp bức bất công.

Là người thông minh học giỏi nên Huỳnh Văn Nghệ được nhận học bổng tại Trường trung học Petrus Ký Sài Gòn (nay là Trường THPT Lê Hồng Phong) và sớm giác ngộ, tham gia các hoạt động cách mạng.

Từ năm 1932, ông luôn tìm cách giúp đỡ, bênh vực người nghèo, chống giặc Pháp xâm lược và bọn tay sai. Huỳnh Văn Nghệ tích cực tìm đến với cách mạng và đã được tuyên truyền về Đảng Cộng sản Đông Dương, rồi giác ngộ và tham gia vào các hoạt động do Đảng lãnh đạo.

Những năm 1936-1939, ông tham gia phong trào Đông Dương đại hội ở Sở Xe lửa Sài Gòn. Năm 1940, tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ. Cuộc khởi nghĩa thất bại, giặc Pháp điên cuồng đàn áp những người cộng sản, một số phải rút về rừng Tân Uyên hoạt động, ông lo việc tiếp tế đạn dược, thuốc men cho số đồng chí này.

Năm 1942, bị lộ, ông phải trốn sang Thái Lan và hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước. Tại đây, ông tổ chức xuất bản tờ báo Hồn

cố hương, kêu gọi kiều bào hướng về Tổ quốc, ủng hộ cách mạng.

Năm 1944, Huỳnh Văn Nghệ về nước, bắt liên lạc với cách mạng và được đồng chí Trần Văn Giàu, Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ phân công lập căn cứ Đất Cuốc tại Tân Uyên, Biên Hòa, được kết nạp Đảng, lập Đoàn Cự binh sĩ và tham gia Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, trực tiếp tham gia chỉ huy cướp chính quyền ở Biên Hòa. Tự tay ông đã bắt tên cò Phước, tỉnh trưởng Quý, tòa Nhan ở Biên Hòa, giải phóng tù chính trị bị chính quyền Nhật giam giữ.

Tại hội nghị Chợ Đệm, Ủy ban nhân dân Nam Bộ bổ nhiệm Huỳnh Văn Nghệ làm cố vấn Ủy ban kháng chiến miền Đông. Mặc dù Ủy ban này đã rút lui trước về Biên Hòa, Xuân Lộc cùng với nhiều đơn vị như Đệ nhị sư đoàn, Cộng hòa vệ binh, bộ đội Nam Long, nhưng khi giặc Pháp lần chiếm ra các vùng ngoại vi Sài Gòn - Gia Định, ông đã ở lại tham gia chiến đấu tại các mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn, Thị Nghè, đường số 1 (từ Sài Gòn đi Biên Hòa), Bông Ky, Bình Lợi, Thủ Đức... chặn bước tiến của giặc về miền Đông Nam Bộ. Sau đó, ông tổ chức đốt Tòa bố, Sở cò, Bru điện Biên Hòa, thu 23 khẩu súng trường, đem về Tân Uyên xây dựng lực lượng.

Tại đây, Huỳnh Văn Nghệ tổ chức xây dựng giải phóng quân Biên Hòa và trực tiếp làm chỉ huy trưởng. Căn cứ Tân Uyên được ông bố trí phòng ngự vững chắc, đã đảm nhiệm vai trò bảo đảm hậu cần cho lực lượng vũ trang của tỉnh và các tỉnh bạn theo lệnh của Khu trưởng Nguyễn Bình, đồng thời làm nhiệm vụ bảo vệ Khu bộ, tiếp liệu cho các công binh xưởng của Khu, tích cực tham gia xây dựng các cơ quan quân, dân, chính của tỉnh.

Dưới sự chỉ huy của Huỳnh Văn Nghệ, không bao lâu sau, Tân Uyên trở thành một trong những căn cứ kháng chiến vững mạnh nhất ở Nam Bộ.

Đầu năm 1946, quân Pháp liên tiếp mở các trận tiến công lớn vào chiến khu Tân Uyên - Lạc An (Chiến khu Đ). Ngày 2/1/1946, Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy lực lượng chủ công tham gia trận phản công lớn đầu tiên của Nam Bộ do Khu tổ chức đánh vào thị xã Biên Hòa.

Sau khi tham gia trận Tân Uyên và chỉ huy mặt trận Tân Tịch - Lạc An



Từ trái qua: Các ông Huỳnh Văn Nghệ, Lê Duẩn, Nguyễn Bình, Lê Hiền Mai

(2/1946) giành thắng lợi, Huỳnh Văn Nghệ được Khu trưởng Nguyễn Bình chỉ định làm Chi đội trưởng Chi đội 10. Trên cương vị mới trong thời gian 1946-1947, ông đã chỉ huy các đơn vị chiến đấu bảo vệ nhân dân, bảo vệ Khu bộ, các công binh xưởng, phát động chiến tranh du kích, địch vận... góp phần tiêu hao sinh lực địch, mở đầu cho phong trào giao thông chiến ở Nam Bộ, phổ biến kỹ thuật đánh địa lôi điện.

Tháng 3/1948, Huỳnh Văn Nghệ nhận nhiệm vụ Khu bộ phó Khu 7, kiêm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 310.

Ngày 1/3/1948, với cương vị chỉ huy trưởng, ông tham gia trận La Ngà - trận giao thông chiến lớn nhất ở Nam Bộ kể từ ngày giặc Pháp tái chiếm nước ta. Sau trận này, Trung đoàn 310 được Bác Hồ khen thưởng Huân chương Chiến công hạng 2, Trung đoàn trưởng Huỳnh Văn Nghệ được Bác Hồ tặng thưởng một chiếc áo trấn thủ.

Tháng 7/1948, thi hành lệnh của Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, trong hoàn cảnh hết sức nguy hiểm, Huỳnh Văn Nghệ một mình đến căn cứ Bình Xuyên, dùng lý lẽ và tình cảm thuyết phục được thủ lĩnh Bình Xuyên lúc bấy giờ là Lê Văn Viễn (Bảy Viễn) về dự hội

ngiht, giúp Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ giải quyết được “vấn đề Bình Xuyên”, rất gay go lúc bấy giờ.

Cùng thời gian này, ông được bổ nhiệm làm Khu trưởng Khu 7. Trên cương vị mới, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc xây dựng căn cứ mới của Khu, thành lập bộ đội chủ lực Khu 7 (Bộ đội 303). Đặc biệt, ông nghiên cứu, tìm ra cách đánh thápcanh, giải quyết được sự bế tắc về chiến thuật ở Khu 7 lúc bấy giờ.

Năm 1950, sau khi sáp nhập Sài Gòn - Chợ Lớn vào Khu 7, ông giữ chức Phó tư lệnh Khu 7. Năm 1951, khi hai tỉnh Thủ Dầu Một - Biên Hòa sáp nhập, ông là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, kiêm Tỉnh đội trưởng Thủ Biên, chỉ huy nhiều trận đánh lớn bảo vệ Bộ Tư lệnh Nam Bộ đóng ở Chiến khu Đ. Năm 1952, trong trận lựct “thể kỷ”, ông xông pha chỉ huy chống lựct ở Thủ Biên, bảo vệ được bộ đội và dân.

Sau thảm họa thiên tai đó, lợi dụng tình thế khó khăn của quân dân ta, địch huy động 11 tiểu đoàn tiến công vào Chiến khu Đ. Lực lượng của tỉnh chỉ có một tiểu đoàn nhưng dưới sự chỉ huy tài tình của Huỳnh Văn Nghệ đã anh dũng chiến đấu suốt 52 ngày đêm, tiêu diệt gần một tiểu đoàn địch, phá tan âm mưu của chúng gom dân và tiêu diệt lực lượng ta.

Tháng 5-1953, ông được cử ra miền Bắc học và ở lại công tác gần 12 năm, trải qua các chức vụ: Trưởng phòng Thể dục thể thao, Cục phó Cục Quân huấn, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục phó Tổng cục Lâm nghiệp.

Năm 1965, ông được điều động trở về Nam Bộ, lần lượt giữ các chức vụ: Trưởng ban căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Phó bí thư Đảng ủy căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Phó ban Kinh tài Trung ương Cục miền Nam, Trưởng ban Lâm nghiệp Trung ương Cục miền Nam.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ông là Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp miền Nam, Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp. Ngày 5/3/1977, ông mất tại Bệnh viện Thống Nhất sau thời gian lâm bệnh nặng, thọ 63 tuổi.

nguồn: <http://www.sugia.vn>

Trên *Báo Đồng Nai điện tử* cập nhật ngày thứ Sáu, 14/02/2014 (baodongnai.com.vn/vanho/201402) có bài:

**HUỲNH VĂN NGHỆ -
NHƯ MỘT GIÁC MƠ**

của tác giả Bùi Quang Huy đã viết:

...Ba mươi sáu lễ giỗ đã qua, lần nào cũng vậy, đông đảo người đến thấp nhang viếng ông. Khi gia đình tổ chức giỗ nhà thơ ở căn nhà nhỏ nằm trên đường Hai Bà Trưng, TP.Hồ Chí Minh, số người đến viếng đã lên đến vài chục. Hàng chục năm nay, lễ giỗ được tổ chức tại chính nơi ông ra đời và cũng là nơi yên nghỉ, số người về dự ngọt ngào cả ngàn. Đám giỗ trở thành lễ hội, thật là hiếm có. Trừ những bậc cán bộ lão thành hay đương chức cấp cao, còn có hàng trăm người là những cư dân bình thường của Đồng Nai, Bình Dương, TP.Hồ Chí Minh,... Họ không là thân thích nhưng từ lâu xem ông là ruột thịt. Họ đua nhau kể những huyền thoại, huyền tích về ông. Huyền thoại nào cũng đẹp, huyền tích nào cũng hấp dẫn, như thể họ là người trong cuộc.

Ngẫm lại, Huỳnh Văn Nghệ như một giấc mơ. Mà đó là giấc mơ đẹp và hình như chỉ đến một lần nên người đời luôn nhớ lại và khát khao.

Trước năm 1945, dân ta một cổ hai tròng, làm thân nô lệ. Sau năm 1945, dân ta một lòng quyết tranh đấu cho độc lập, thống nhất nước nhà và sự toàn vẹn của non sông. Huỳnh Văn Nghệ sinh ra để thực hiện khát vọng giải phóng và ý chí của nhân dân ở một vùng đất của tự do và phóng khoáng. Và, ông đã thỏa mãn khát vọng và ý chí ấy đẹp đến độ hoàn mỹ. Xin lấy vài ví dụ ở năm 1945, từ bản lý lịch tự khai của Huỳnh Văn Nghệ, viết vào dịp kỷ niệm 11 năm ngày Nam bộ kháng chiến:

- Trong Cách mạng tháng Tám: “Trực tiếp chỉ huy cướp chính quyền ở Biên Hòa, tự tay bắt tên cò Phước, tỉnh trưởng Quý, tòa Nhan ở Biên Hòa, mở khám Biên Hòa giải phóng cho anh em bị bọn chính quyền bù nhìn Nhật giam giữ. Mọi việc Đảng giao phó đều làm tròn”.

- Khi Pháp núp bóng liên minh Anh - Ấn tái chiếm Việt Nam: “Một mình với một khẩu súng lục, dùng lý lẽ thuyết phục được một đại đội sắp ra đầu địch, kéo đại đội này trở về với ta và dùng ngay lực lượng ấy xông vào bắt tên Dương Văn Giáo (Thủ tướng Chính phủ Việt gian

đầu tiên ở Nam bộ) và Lê Quang Kim nạp cho chánh phủ xử tội, kết quả giải tán ngay trong trứng chính phủ bù nhìn đầu tiên của địch ở Nam bộ, làm địch rất lúng túng trong việc tìm người để thành lập chính phủ bù nhìn khác”.

- Tại Biên Hòa, khi “bộ đội, cơ quan bị địch (Nhật) hăm dọa, bắt buộc đều rút khỏi thị xã hai đêm một ngày trước khi bọn Anh - Ấn đến, phần lớn đi về Xuân Lộc để ra Bắc. Mặc dù Ủy ban Kháng chiến miền Đông ra lệnh tôi phải rút theo về hướng đó, nhưng tôi vẫn ở lại một mình với hai đội viên, xin chỉ thị của đồng chí Dương Bạch Mai, Thanh tra chính trị miền Đông, tổ chức đốt phá tòa bố, sở cò, nhà bưu điện, trấn tĩnh tinh thần đồng bào trong thị xã, gom góp tàn binh, vũ khí của các lực lượng bỏ rơi rớt lại lúc rút lui. Kết quả thu được 23 khẩu súng trường đem về Tân Uyên xây dựng lực lượng”.

“Với số súng nói trên đem về Tân Uyên, xây dựng bộ đội đầu tiên của tỉnh lấy tên là Giải phóng quân Biên Hòa. Liên lạc, tổ chức chỉ huy thống nhất các lực lượng rải rác trong tỉnh. Được Thanh tra chính trị miền Đông Dương Bạch Mai chỉ định làm Chỉ huy trưởng Giải phóng quân trong tỉnh. Bố trí phòng ngự căn cứ Tân Uyên. Vận động nuôi ăn cho đơn vị tỉnh và bộ đội các tỉnh bạn kéo về đây theo Khu trưởng Nguyễn Bình, bảo vệ Khu bộ, tiếp liệu cho các Binh công xưởng Khu. Tham gia tích cực xây dựng các cơ quan quân dân chính Đảng của tỉnh. Không bao lâu Tân Uyên trở thành căn cứ vững mạnh nhất ở Nam bộ”.

Người xưa có câu: “Thắng bại là chuyện thường tình của kẻ cầm quân”. Huỳnh Văn Nghệ thực sự cầm quân từ lúc lập Chiến khu Đ năm 1945 đến khi là Tư lệnh Khu bộ VII (1948 - 1953). Trong tám năm ấy, Huỳnh Văn Nghệ đã trực tiếp chỉ huy bộ đội chống càn vào chiến khu hay chủ động tấn công địch hàng chục lần, nhưng lịch sử quân sự cũng như lịch sử Đảng miền Đông chưa thấy ghi lần nào ông thất bại. Đầu năm 1946, với lực lượng quân sự còn non trẻ, Huỳnh Văn Nghệ đã tổ chức “trận phản công lớn nhất đầu tiên ở Nam bộ” vào chỉ huy sở của liên quân Anh - Ấn tại TX. Biên Hòa. Đến tháng 2-1946, ông lại “Trực tiếp chỉ huy mặt trận Tân Tịch - Lạc An, vừa chỉ đạo việc tiếp tế lương

thực đạn dược cho toàn mặt trận, gồm hơn 5 ngàn người đánh suốt hai ngày đêm. Kết quả, đánh lui thủy lục không quân địch làm chúng không chiếm được Tân Uyên mà phải bỏ lại rất nhiều xác chết và hai tàu chìm”.

Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1946, Huỳnh Văn Nghệ đã chỉ huy “8 trận tấn công lớn của địch vào Chiến khu Tân Uyên - Lạc An trong 6 tháng đầu 1946”. Chiếc máy bay do tên quan năm Barrlier lái bị bắn rơi ở Chiến khu Đ là chiếc máy bay đầu tiên của giặc Pháp bị hạ ở chiến trường Nam bộ. Sau trận này, quân Pháp mới chịu ngồi vào hội nghị bàn việc thi hành Hiệp ước 6/3 ở miền Nam. Tiếp đến là hàng loạt các trận đánh, như: Đồng Xoài, Trảng Táo, Bàu Cá,... Nơi nào Vệ quốc quân do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy cũng đều thắng trận. Đặc biệt, trận La Ngà ngày 1-3-1948, “trận giao thông chiến lớn nhất ở Nam bộ đến ngày ấy, tiêu diệt hai C địch, 63 xe camions và thiết giáp, giết hai tên quan năm De Sérigné và Barute, bắt sống một số sĩ quan địch. Chồng địch truy kích và tấn công Chiến khu Đ suốt 7 ngày có thủy lục không quân phối hợp, kết quả tốt”. Lúc này, ông đã là Khu phó Khu 7 kiêm Trung đoàn trưởng 310. Ngay cả chiến thuật De La Tour với hàng chục tháp canh giặc dựng lên khắp nơi, trong một đêm, du kích Biên Hòa đã phá sạch trên 30 chiếc. Người du kích trực tiếp chỉ huy là anh hùng Hai Cà - Trần Công An, nhưng sẽ chỉ là những trận đánh nhỏ lẻ nếu không có sự nghiên cứu, mang tầm vóc chiến lược của Huỳnh Văn Nghệ. Từ kinh nghiệm ở Biên Hòa, không chỉ miền Nam mà khắp cả nước, quân và dân Việt Nam đã làm phá sản hoàn toàn chiến thuật quân sự này.

Trong giấc mơ chiến trận của những người dân chân đất, đầu trần khát khao tự do, độc lập, có giấc mơ nào đẹp hơn sự thật đã diễn ra ở miền Đông Nam bộ những năm tháng ấy?

Vậy mà, người đem đến giấc mơ ấy cho nhân dân lại là một nhà thơ. Thuở trời đất còn tối tăm, nhà thơ của họ đã đưa ra một mẫu hình lý tưởng:

*Ta đi, gót nhíp vang đường đá,
Mắt phóng nhìn xa qua lớp mây
Ngực nở thắm nhuần trăm thứ gió*

Rượu đời cạn chén chẳng hề say.

(Thanh niên, 1940)

Khi bao lớp thanh niên có thể sẽ đắm mình trong lãng quên và mê muội, nhà thơ của họ nhắc nhở:

*Ai đi về Bắc, ta đi với
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng
Từ độ mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long*

(Nhớ Bắc, 1940)

Lúc “từng đoàn chiến sĩ đi ra trận”, nhà thơ cũng là “vị tướng” của họ đã ra lời “tuyên ngôn”:

*Tôi là người lặn lội giữa đường trần
Không phân biệt lúc mài gươm múa bút...
Trên lưng ngựa, múa gươm vừa ca hát
Thì lòng say chiến trận cũng là thơ!*

(Bên bờ sông xanh, 1948)

Huỳnh Văn Nghệ đã thỏa mãn “giấc mơ” của những người thợ, của những dân cày ở đất miền Đông trên nhiều phương diện: Hiện thực và lý tưởng, ý chí và tâm hồn, phóng khoáng và dững mãnh, gan dạ và thông minh,... Từ người “nông dân - tướng cướp” Chín Quý đến bậc “trưởng lão” Trần Văn Giàu, người khuyên Huỳnh Văn Nghệ đi lập Chiến khu Đ đều tìm thấy ở ông một phần giấc mơ đã thành sự thật. Vì thế, người ta không ngạc nhiên khi mãi đến năm 2010, Huỳnh Văn Nghệ mới được truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, nhưng từ lâu ông đã là người anh hùng trong lòng dân. Và, vì sao, gần bốn mươi năm trôi qua, nhưng ngày giỗ nhà thơ cứ mỗi năm lại đông hơn, mà nhiều nhất vẫn là những người dân thường.

Tác giả Bùi Quang Huy đã kết luận:

Huỳnh Văn Nghệ - như một giấc mơ. Giấc mơ đôi khi chỉ có một lần, song khát vọng của người đời thì mãi mãi...

Trên trang web của báo Văn Nghệ quân đội (<http://vannghequandoi.com.vn/huynh-van-nghe-thi-tuong-cua-dan-gian.html>), ông Huỳnh Văn Tới đã viết:

**HUỲNH VĂN NGHỆ -
THI TƯỚNG CỦA DÂN GIAN**

Huỳnh Văn Nghệ thường được biết đến là chiến sĩ - thi sĩ tay grom tay bút với nhiều chiến công vang dội và văn thơ cháy bỏng. Đọc kĩ, càng hiểu thêm, Huỳnh Văn Nghệ còn là nghệ sĩ của dân gian, người chép sử quê hương bằng thơ, bằng văn được người địa phương yêu mến quen gọi là thi tướng của dân gian.

Tác phẩm của Huỳnh Văn Nghệ đã thể hiện rõ nét hiện thực kháng chiến gắn với lịch sử chiến khu Đ hào hùng. Qua những bài thơ nóng hổi hơi thở cuộc sống, người đọc bắt gặp những hình ảnh, nhân vật, sự kiện rất thật của đời thực: bà bán cau, đám ma nghèo, cuộc phẫu thuật bằng cưa thợ mộc, một trận chống càn, chiến khu chống bão, mấy mảnh khoai mì và sự hi sinh của anh du kích... Đây là những “thi liệu” rất sử và những “sử liệu” rất thơ. Có thể nói, Huỳnh Văn Nghệ đã chép sử bằng thơ và làm thơ bằng lịch sử. Và ông có ý nghĩ viết sử bằng thơ thật. Lịch sử quê hương 300 năm đã được chép lại bằng 29 câu thơ bay bổng và cô đọng:

*Ngày xưa có đoàn người từ miền Bắc
Chán ghét vua quan áp bức
Họ đạp núi rừng vượt sóng biển khơi
Đi vào Nam làm lại cuộc đời
Tìm đất mới gieo mầm hạnh phúc.*

...

*Bao ngày gian khổ
Hàng trăm năm tranh đấu với núi rừng
Mồ hôi, nước mắt, tay súng
Mới có được góc trời Nam tươi mát
Đồng lúa thơm, vườn bưởi đường, cam, mật*

*Tiếng trẻ thơ cười hát sân trường
Hồi chuông chùa êm gõ sườn non
Mái tranh vàng khói lam chiều quyến luyến
Thuyền dưới bến dập dìu cánh én
Xe trên đường leng keng nhạc ngựa vang
Ôi! Tân Uyên quê mẹ đẹp vô vàn.*

Ta đã được biết: **Ông không những là một nhà chỉ huy quân sự tài ba mà còn là một nhà báo, nhà thơ với nhiều tác phẩm khá nổi tiếng.**

Ông Huỳnh Văn Tới đã viết:

Thơ của Huỳnh Văn Nghệ là những trang sử quý giá cho những người viết sử, từ đó mà hiểu rõ hơn sự việc cụ thể từng có ở cuộc sống kháng chiến. Còn nhớ, năm 1997, nhân kỉ niệm 50 năm ngày Thương binh liệt sĩ, có một bài báo nhắc đến Nguyễn Văn Xiểng (Điều Xiểng) - người dân tộc Châu Ro, đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên, trên đường đi họp bị bắt, bị tra tấn, dững cảm hi sinh tại Xuân Lộc. Lúc ấy mới biết, Điều Xiểng chưa được và cần được công nhận liệt sĩ. Nhưng việc xảy ra đã hơn 50 năm, không nhiều người nhớ, không đủ nhân chứng; bài thơ Cái chết của anh Xiểng viết năm 1956 của Huỳnh Văn Nghệ trở thành “nhân chứng ngoại lệ” để làm hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ cho Nguyễn Văn Xiểng. Sự việc Nguyễn Văn Xiểng bị tra tấn, bị cột vào xe kéo lê trên đường và đã lẫm liệt hi sinh được mô tả chân thực như thể chính tác giả đã chứng kiến:

*Anh vẫn đứng lặng im
Hiên ngang như ngọn núi
Máu căm thù dâng lên trong mắt đỏ
Nhìn lũ giặc như hùm thiêng nhìn chó
Bỗng gầm lên mấy tiếng vang trời:
“Không, không đâu Tây
Tao thể chết tại đây!”.*

*Chiếc xe hốt hoảng rồ ga
Phóng tới như điên khiến anh ngã gục.
Từ cao xa ngọn Chứa Chan còn thấy
Thấy một anh hùng dân tộc,
Đuổi theo xe như một khối căm hờn.
Máu anh đổ mãi ruộng vườn
Núi rừng Xuân Lộc nhớ thương đời đời.*

Những người thật, việc thật trong thơ Huỳnh Văn Nghệ được ghi lại không phải chỉ bằng “chất liệu” như nó vốn có mà bằng ngôn ngữ hình tượng của thơ ca dệt nên từ cảm xúc của một nhà thơ trực tiếp chiến đấu, khiến “cái được phản ánh” vừa có vẻ đẹp lung linh của nghệ thuật vừa mang tính tư tưởng cao, vừa là nhân chứng chân thực của lịch sử.

Thơ ca chỉ mới là một phần của trang sử quê hương. Hình ảnh đậm nét nhất của quê hương được thể hiện trong những trang văn “khó phân thể loại” của Huỳnh Văn Nghệ: Quê hương rừng thẳm sông dài, Những ngày sóng gió, Anh Chín Quý, Mát đôn Mỹ Lộc, Tiếng hát trên sông Đồng Nai, Trận Mãng Xà, Sáu đỏ mũi, Chùa Ông Mõ... Những tác phẩm này khó có thể xếp vào thể loại nào, dường như tác giả viết không nhằm để xuất bản, chỉ ghi chép lại những điều mình nghe kể, mình nhớ, mình hiểu bằng kí ức của người con trung hiếu luôn nghĩ về quê hương. Nhưng đây là những trang viết quý báu, văn chương giàu hình tượng, sự việc chân thực, phong cách đậm chất Nam Bộ, giúp người đọc hiểu thêm, hiểu rõ về cái nôi gia đình và quê hương rừng thẳm sông dài đã dệt nên tuổi thơ Huỳnh Văn Nghệ, về những ngày sóng gió mà ông đã trải qua, về những con người, vùng đất mà ông từng yêu thương.

...

Cũng qua trang viết của Huỳnh Văn Nghệ, người đời sau có thể tìm hiểu những tập quán gắn liền với đời sống của cha ông mà đời nay hiếm thấy: đếm tiếng tắc kè kêu chẵn lẻ đoán rủi may, vắn thuốc điều bằng lá cò ke, tục cúng Thần nông, cách uống trà Huế, những thứ bánh cúng rằm, những trò chơi dân gian ngày hội... Đặc biệt là tục đua ghe cổ truyền, chưa thấy tài liệu nào mô tả chi tiết sinh động như Huỳnh Văn

Nghệ. Đó là một cuộc đua ghe do “Tây” tổ chức ở sông Đồng Nai trước 1935, đội ghe thắng trận đã tạo chiến thắng bằng kỹ thuật cùng tinh thần dân tộc, không xuất phát theo hiệu lệnh “un, deux, trois...” của “Tây” mà theo hiệu lệnh của chính mình, khi thắng trận cũng không dự thưởng bằng sâm banh mà bằng những ngụm nước sông Đồng Nai mát lạnh. Như thế, không đơn thuần là một cuộc đua ghe nữa mà là một dịp biểu lộ tinh thần dân tộc của những con người đang khao khát làm nên chiến thắng nào đó trước giặc Tây.

Rõ ràng, mục đích của Huỳnh Văn Nghệ không dừng ở việc kể chuyện, mà để dẫn dắt người đọc và chính mình tìm đến con đường nào đó để giải phóng quê hương. Quê hương Tân Uyên được mô tả tỉ mỉ từ tiếng cò gáy, cộp gằm, tiếng thác Trị An ni non, chiếc cầu gỗ ván, con đường đá đỏ pha son, vườn bưởi, đám mía, bờ tre... cho đến dòng sông Đồng Nai đầy nhân tính: “Hôm nào mưa to gió lớn hay vào mùa lũ, dòng sông chảy cuồn cuộn như lòng người sôi sục căm thù, lúc yên tĩnh nó lại phẳng lặng như một mặt hồ trầm ngâm suy nghĩ”. Và, rừng cũng vậy: “Rừng nhìn xa như một vành móng ngựa khổng lồ màu ngọc biếc bao quanh hết hướng Đông - Đông Bắc của xóm làng, đồng ruộng vùng này”. Quê hương rừng thẳm sông dài đẹp vậy, thiêng liêng vậy, nhưng cực khổ quá, uất ức quá! Cần phải làm một cái gì đó, tìm cách nào đó!

Trước khi tìm được Đảng, tuổi thơ của Huỳnh Văn Nghệ được ba má và dân làng dệt mộng bằng những chuyện kể vọng tưởng về hình bóng của nghĩa quân Hoàng Lễ - Hoàng Hồ. Vì vậy mà Huỳnh Văn Nghệ có những tác phẩm mang màu sắc truyền thuyết dân gian: Mất đồn Mỹ Lộc, Tiếng hát trên sông Đồng Nai... Không thể tìm thấy trong các bộ chính sử hình ảnh của nghĩa quân Đồng Nai anh dũng chiến đấu chống quân xâm lược sau khi thành Biên Hòa thất thủ năm 1861. Nhờ những trang viết của Huỳnh Văn Nghệ mới thấy được sự bất lực của triều đình Nguyễn, bộ mặt hèn nhát của trọng thần Nguyễn Bá Nghi, mâu thuẫn giữa trung quân và ái quốc của lão thần Hoàng Lễ, khí phách trẻ trung của Hoàng Hồ, giọng hò Huế lay động lòng người của Huyền Cơ, tinh thần xả thân cứu nước, “chẳng nghe thiên tử chiếu” của người Biên Hòa - Đồng Nai những năm 1861 - 1870.

Những tác phẩm Trận Mãng Xà, Sáu đỏ mũi, Chùa Ông Mõ... cũng vậy. Huỳnh Văn Nghệ ghi lại chuyện được nghe bằng ngòi bút trân trọng đối với những người nghĩa khí, quyết hi sinh trừ bạo ngược, như: cha con Bảy Túc diệt mãng xà, Năm Hải giết sáu dữ trả thù cho vợ, ông Mõ lao vào đầu giặc trước khi hi sinh... Đó là những hình tượng đẹp để chấp cánh cho trí tưởng tượng của Huỳnh Văn Nghệ bay đến chân trời mơ ước.

Kết thúc bài viết, ông Huỳnh Văn Tới đã viết:

Ngày 1-2-2014, kỉ niệm 100 năm ngày sinh Huỳnh Văn Nghệ, tại nơi ông đã sinh ra, chiến đấu và yên nghỉ, “người kháng chiến” tứ xứ về tụ hội cùng dân các làng thuộc chiến khu Đ năm xưa tổ chức nhiều hoạt động văn hoá để tưởng niệm “thi tướng” của mình. Ngày giỗ hằng năm vào mười sáu tháng giêng cũng vậy - không nhờ đến thơ mời, tin báo - bạn bè, đồng chí, dân làng, học sinh, sinh viên miền Đông “gian lao anh dũng” kéo về, niệng hương, đọc thơ kháng chiến, kể chuyện chiến khu Đ và giai thoại Huỳnh Văn Nghệ. Ngày 18-5-2014 mới đây, người Biên Hoà - Đồng Nai “góp vốn” dựng phù điêu bia đá “Huỳnh Văn Nghệ” tại khuôn viên Trung tâm văn miếu Trấn Biên, bằng chất liệu đá Biên Hoà.

Gần bốn mươi năm Huỳnh Văn Nghệ đã yên nghỉ với tổ tiên nhưng những điều thuộc về ông vẫn được vun đắp trong lòng người Đồng Nai. “Cái gì còn lại sau khi những cái khác đã mất đi, đó là văn hóa” - điều còn lại của “thi tướng” Huỳnh Văn Nghệ trong dân gian chính là giá trị văn hoá từ dân gian, vì dân gian

Viết về Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ trên trang

http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=2525%3Aqthi-tngq-hunh-vn-ngh-va-bai-th-qnh-bcq&catid=63%3Avn-hc-vit-nam&Itemid=106&lang=vi

Khoa Văn học - Ngôn ngữ Trường đại học Xã hội và Nhân văn của tác giả Hoài Nguyễn có bài

“THI TƯỚNG” HUỖNH VĂN NGHỆ VÀ BÀI THƠ “NHỚ BẮC”

Tác giả đã mở đầu bài viết:

Trong số chúng ta, những người con của nước Việt – có chút học hành dù chỉ loáng thoáng thi thư sách vở, có mấy ai không từng nghe, từng đọc ít nhất vài lần câu thơ :

*Ai đi về Bắc ta theo với
Thăm lại non sông giống Lạc - Hồng
Từ thuở mang gươm đi mở cõi
Ngàn năm thương nhớ đất Thăng long.*

Những vần thơ hào sảng mà tha thiết tình non nước cứ vang vang trong tâm tưởng người đọc tạo ra những cảm xúc vừa hùng tráng , vừa tha thiết như tan vào dòng máu đang cuộn chảy trong tim những người VN đầy lòng tự tôn dân tộc. Lúc sinh thời, nhà hoạt động chính trị - nhà văn - nhà nghiên cứu văn hóa Trần Bạch Đằng đã từng thốt lên: “Không còn nghi ngờ gì nữa, đây có thể gọi là những câu THƠ THẦN-TUYỆT BÚT của thời đại !”.

Những câu thơ “thần” đó chính là một đoạn trích bài thơ “NHỚ BẮC” của Huỳnh Văn Nghệ một nhà thơ - chiến sĩ sinh ra tại NAM BỘ . Một nhà thơ mặc áo lính có cuộc đời rất đặc biệt và mặc dù sau này chỉ mang quân hàm thượng tá Q.Đ.N.D.VN nhưng được nhân dân miền đông Nam bộ mến mộ vinh danh là “thi tướng rừng xanh”!

Trong bài viết này còn có đoạn:

Di sản văn nghệ của ông không nhiều nhưng chỉ riêng với những dòng thơ trong bài thơ “Nhớ Bắc” cũng đủ để tên tuổi của ông sống với

nhieu thế hệ người Việt Nam - trong đó có quân dân miền Đông Nam Bộ gian lao mà anh dũng. Những trang văn - thơ của HUỶNH VĂN NGHỆ, thấm đẫm tình cảm của một nhà thơ - chiến sĩ - đối với xã hội, về cuộc đời và với quê hương, với bạn bè, đồng chí. Tấm lòng ông là tiêu biểu của những tấm lòng của người đi mở cõi - vẫn ngời rạng cùng đất miền Đông, cùng Nam Bộ thành đồng.

Cuộc đời Huỳnh Văn Nghệ là cuộc đời của một con người văn võ toàn tài, anh hùng hào sảng. Thơ và con người ông mang đậm tố chất rất đặc trưng của đất phương NAM phóng khoáng hào hùng! Tố chất đặc trưng của CON NGƯỜI NAM BỘ gân guốc ngang tàng nhưng chứa chan tình nghĩa! Xung quanh Huỳnh Văn Nghệ được phủ trùm ánh hào quang như huyền thoại của nhiều câu chuyện làm thơ và đánh giặc. Ông tới đâu thì nhân dân và chiến sĩ hân hoan chào đón! Ông tới đâu thì kẻ thù kinh sợ nể phục coi chừng! Con người chiến sĩ cách mạng của ông thấp thoáng hình ảnh anh hùng Lương sơn bạc! Thơ của ông giản dị mà hào sảng nhưng chất trữ tình cứ sáng lên lấp lánh. Đâu phải ngẫu nhiên mà nhân dân vùng kháng chiến miền ĐÔNG đã yêu mến đặt cho ông cái danh: “Thi tướng rừng xanh”!

Và tác giả đã kết luận:

“Nhớ Bắc” là một thi phẩm trữ tình và cảm động của một nhà thơ yêu nước văn võ song toàn. Điều khiến ta trân trọng, tâm phục ở Huỳnh Văn Nghệ là ông đã trải lòng ra với một tình cảm vô cùng cao đẹp - Lòng chung thủy với cội nguồn thể hiện qua tình cảm Bắc - Nam ruột thịt. Ta định ninh phẩm chất quý giá này sẽ được minh chứng cụ thể ở mọi người dân Việt Nam dòng giống Lạc Hồng, không chỉ trong quá khứ mà đến cả muôn sau như tâm sự, ước mong của “Thi tướng rừng xanh”.

Bài thơ “Nhớ Bắc” của Huỳnh Văn Nghệ chắc chắn và mãi mãi sẽ là Bài ca “Nhớ Bắc”, một “Bài ca không quên” mà giai điệu tuyệt vời của nó ắt còn vang vọng không dứt qua thời gian và không gian trên đất nước Tiên-Rồng.

Đó là những bài viết đơn cử mà em đã tìm đọc để hiểu thêm về ông Huỳnh Văn Nghệ.

BÀI DỰ THI: TÌM HIỂU GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐỒNG NAI 2014

Năm 2008, Nhà xuất bản Đồng Nai đã phát hành bộ sách:

Huỳnh Văn Nghệ - Tác giả và tác phẩm gồm 2 tập tổng cộng trên 1.000 trang, do Giám đốc nhà xuất bản Đồng Nai Bùi Quang Huy biên soạn và giới thiệu. Trong đó có tập 1 gồm 4 phần:

1- Niên biểu Huỳnh Văn Nghệ

2- Huyền Thoại một con người

3- Thi tương chiến khu xanh

4- Còn mãi bóng hình

được viết bởi nhiều tác giả.

Tập 2 giới thiệu thơ, truyện thơ, truyện, ký của ông Huỳnh Văn nghệ.



Tuy em chưa đọc hết những bài thơ, truyện thơ, truyện, ký trong tập 2 của bộ sách, nhưng đọc phần Niên biểu Huỳnh Văn Nghệ, em được biết:

- Năm 2006, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất.

- Ông được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao giải thưởng về văn học - nghệ thuật.

- Năm 2006-2008: các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Biên Hòa đặt tên đường Huỳnh Văn Nghệ.

- Tên Huỳnh Văn Nghệ được đặt cgo một trường THPT ở huyện Tân Uyên (Bình Dương), hai trường THCS ở Đồng Nai (huyện Trảng Bom và huyện Vĩnh Cửu) và giải thưởng văn học - nghệ thuật của tỉnh Bình Dương).

Theo sau đó còn có những tình cảm, lòng ngưỡng mộ, kính trọng... của những người đồng chí, đồng đội.

Trong bài: Huỳnh Văn Nghệ - nhà văn, chiến sĩ, cố nhà văn Lý Văn Sâm đã viết:

Có thể khẳng định một mảng lớn của cuộc đời anh Tám đã gắn chặt vào chiến khu Đ. Anh chiến đấu và làm thơ vì chiến khu Đ, cho chiến khu Đ. Ngày nay anh đã trở về yên nghỉ tại nơi đây, vĩnh viễn làm đũa con trung hiếu của quê hương Đồng Nai - Sông Bé. Trên mộ bia anh Tám, lưu lại cho bạn bè, đồng chí, và cho thế hệ trẻ của Đồng Nai hai câu thơ xúc động:

Gởi lại bạn mấy vắn thơ trên cát

Và giờ đây tôi qua bến lên đường.

Thơ anh Tám Nghệ và cuộc đời chiến sĩ của anh mãi mãi được khắc ghi - không phải trên cát - mà ở trong lòng những ai đã một thời sống và đổ máu vì chiến khu Đ bất khuất.

Anh Tám đã “qua bến lên đường”, không phải là con đường của sự lãng quên, mà là con đường tri ân, tri nghĩa của những con đường đang sống và đang tô điểm cho đất Đồng Nai ngày một thêm khởi sắc.

Sau đó là bài: Nhớ anh Huỳnh Văn Nghệ của cố nhà văn Huỳnh Văn Bôn. Ông bày tỏ tình cảm của mình trong phần mở bài:

Khi viết tiểu thuyết Trên mảnh đất này, tôi xuất phát từ một hình mẫu có sẵn: Anh Huỳnh Văn Nghệ, Chi đội 10 của anh và mảnh đất miền Đông của tôi...

và có đoạn viết:

Cho đến khi viết bài này, sau hơn bốn chục năm trời, nhưng hình ảnh của anh Tám Nghệ vẫn cao vợi vợi trong ký ức tôi. Năm 1980, khi trở lại Tân Tịch, Mĩ Lộc thăm mộ anh bên bờ sông Đồng Nai, lòng tôi ngổn ngang. Trên mộ chí, dưới chân dung anh, ai đó đã khắc hai câu thơ của anh:

*Xin gửi lại bài thơ trên cát trắng,
Và chiều nay tôi qua bến lên đường.*



Ông còn viết thêm: Có lẽ vì cái chết, nên người khác mới chọn hai câu thơ ấy của anh. Nếu được quyền chọn đúng chất của anh, đúng cái hào khí Đồng Nai ngất trời của anh, tôi sẽ chọn bốn câu sau:

*Ai đi về Bắc ta đi với
Thăm lại non sông đất Lạc Hồng.
Từ đó mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*

Và rất nhiều tình cảm của nhiều tác giả khác viết về ông Huỳnh Văn Nghệ và tác phẩm của ông được tổng hợp trong bộ sách này.

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh thi tướng Huỳnh Văn Nghệ (1914 – 2014) – người chiến sĩ cách mạng, nhà thơ nổi tiếng của đất Đồng Nai; ngày 18-9, tại trung tâm Văn miếu Trần Biên, tượng thi tướng Huỳnh Văn Nghệ đã được khánh thành.

Bức tượng cao 4 mét, rộng 2,5 mét được làm hoàn toàn bằng đá với tổng trọng lượng lên đến trên 14 tấn đá.

Công trình tượng thi tướng Huỳnh Văn Nghệ được khởi công xây dựng với kinh phí 250 triệu đồng do trung tâm Văn miếu Trần Biên trực tiếp thực hiện.

**Khánh thành
tượng Thi tướng
Huỳnh Văn Nghệ
tại Văn miếu Trần
Biên**



<http://www.dnrtv.org.vn/news/tin-dia-phuong/xa-hoi/37438/dn-khanh-thanh-tuong-thi-tuong-huynh-van-nghe>



Gần 50 bài thơ của ông đã được chọn in trong tập Thơ văn Huỳnh Văn Nghệ, NXB Đồng Nai, 1998. Ngoài ra ông còn viết truyện ký, tự truyện được tập hợp trong hai tập sách Quê hương rừng thẳm sông dài và Những ngày sóng gió.

Tại thị xã Thủ Dầu Một, thành phố Biên Hoà và Thành phố Hồ Chí Minh có con đường mang tên Huỳnh Văn Nghệ.

Cuộc đời ông cũng được hãng TFS dựng thành phim truyền hình 37 tập Vó ngựa trời Nam công chiếu vào tháng 3 năm 2010, và phim Dưới cờ đại nghĩa sản xuất năm 2006

Qua phần giao lưu với con gái là Bà Huỳnh Thị Thành , các thành viên CLB. BĐ được hiểu rõ thêm cuộc đời hoạt động cách mạng và sự nghiệp thơ văn của ông. Gia đình Ông cũng đang tiếp tục tìm kiếm các bài viết bằng tiếng Pháp để bổ sung thêm tư liệu được đầy đủ.

CẢM NGHĨ CỦA EM VỀ NHÂN VẬT LỊCH SỬ HUỲNH VĂN NGHỆ

Trước tiên, chúng em là học sinh ngồi trên ghế nhà trường, được học rất nhiều điều hay, lẽ phải; được tiếp thu nhiều kiến thức bổ ích; được sống trong thời điểm hòa bình; được ước mơ một tương lai tươi sáng... tất cả là nhờ công ơn của cha ông ta, những người đã hy sinh giành lại độc lập đất nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chúng ta cần phải biết ơn, ghi nhớ, tưởng nhớ và trân trọng những giá trị sống mà chúng ta đang có. Như Bác Hồ kính yêu đã dạy: *“Các vua hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”*.

Với nhân vật Huỳnh Văn Nghệ, với những đóng góp của cuộc đời ông trong cuộc kháng chiến, một người *tay cầm viết, tay cầm gươm*, xứng đáng để mỗi người chúng ta biết ơn và trân trọng.

Đọc những tác phẩm của ông khiến em càng yêu thương quê hương, mảnh đất, dòng sông và con người Đồng Nai đã phải trải qua những năm tháng bị dày xéo dưới gót giày, làn bom đạn và sự tàn ác của quân thù vẫn gồng lên mạnh mẽ, hứng chịu và nung nấu sức mạnh để đánh bại quân thù. Những bài thơ, truyện ký tải những chuyện thật, người thật... gian lao, anh dũng, tình người...

Qua những tài liệu mà em đã được đọc, những lời tự hào của ông ngoại nhắc đến ông Huỳnh Văn Nghệ với 1 tình cảm chân thành, em vô cùng kính trọng và thán phục con người của Ông, lý tưởng sống của Ông và ngòi bút tài tình của ông - Thi tướng chiến khu xanh Huỳnh Văn Nghệ.

Em nghĩ, những tài liệu viết về ông Huỳnh Văn Nghệ như bộ sách: Huỳnh Văn Nghệ - Tác giả và tác phẩm; thơ Huỳnh Văn Nghệ... nên có trên kệ sách trong thư viện của các trường học để chúng em được đọc, được hiểu thêm về một nhân vật lịch sử của tỉnh nhà thì thật là bổ ích.

Đến với cuộc thi này, em cảm nhận được việc học, nghe và hiểu về Văn hóa lịch sử địa phương và Văn hóa lịch sử đất nước là vô cùng cần thiết.

Ông ngoại đọc cho em nghe câu thơ của nhà thơ Rasul Gamzatov:

“Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn vào anh

bằng đại bác”.

Theo đầu óc còn non nớt của em hiểu được thì tác giả muốn gửi gắm cho chúng ta một bài học nhân sinh vô cùng ý nghĩa về thái độ, cách ứng xử ở đời. Quá khứ tuy đã qua, nhưng không có nghĩa nó là vô nghĩa. Nó có thể là một quá khứ đau thương, có thể là một quá khứ huy hoàng, và dù thế nào chăng nữa, mỗi cá nhân cần biết trân trọng, gìn giữ những câu chuyện “ngày xưa” của mình. “Súng lục” chỉ sự tàn bạo, chà đạp, là hiện thân cho sự hủy hoại đến dã man, tàn bạo đến rợn người, song “đại bác” còn mang tính hủy hoại hơn rất nhiều. Vấy bẩn quá khứ hay cũng chính làm vấy bẩn tương lai của chính mình. Quá khứ cho ta những bài học từ sai lầm hay những kỷ niệm khó quên mà không gì có thể mua được, nếu ta không biết nâng niu, trân trọng nó, thay vào đó là những hành vi quay lưng, phủ nhận, gạt bỏ,... cuộc đời sẽ cho ta một tương lai không hề tốt đẹp...

Yêu quý, trân trọng lịch sử, văn hóa quê hương đất nước mình; tìm hiểu, tuyên truyền lịch sử, văn hóa quê hương đất nước mình cũng là cách hướng đến một tương lai tốt đẹp. Là không “bắn vào quá khứ bằng súng lục” để nhận lấy viên đạn từ “đại bác” bắn vào tương lai.

Năm ngoái, nhà trường đã tổ chức cho học sinh chúng em đi thăm di tích lịch sử địa đạo Củ Chi, là một hình thức học và tìm hiểu lịch sử nước nhà thật bổ ích. Em mong rằng những nơi như: các lăng mộ danh nhân, đền thờ và mộ thi tướng



Huỳnh Văn Nghệ và các nhân vật lịch sử khác trong tỉnh sẽ là điểm đến tiếp theo mà nhà trường tổ chức cho học sinh chúng em đến thăm viếng, tìm hiểu và thấp nhen nhang tưởng niệm.

*Ngôi đền thờ ông
Huỳnh Văn Nghệ.
(Nguồn: Internet)*

Cảm ơn ông ngoại Đỗ Bá Nghiệp - nguyên Giám đốc nhà Bảo tàng Đồng Nai. Ông Huỳnh Văn Tới - Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai; ông Bùi Quang Huy - Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai về các bài viết, nghiên cứu mà em đã được đọc; và nhiều bài viết của nhiều tác giả khác trên các phương tiện truyền thông... đã giúp em có thêm nhiều tư liệu để hoàn thành bài thi này.

Cảm ơn ông Mai Sông Bé - Giám đốc Đài PT-TH Đồng Nai đã giúp em một chuyến xe đưa đến thăm mộ và đền thờ thi tướng Huỳnh Văn Nghệ khi em tìm đến ông để tìm tài liệu tham khảo.

Cảm ơn Ban giám hiệu Trường PTCS Hùng Vương đã tạo điều kiện và giúp đỡ cho em và các bạn học sinh trong trường đến với cuộc thi bổ ích này.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TƯ LIỆU VỀ ÔNG HUỲNH VĂN NGHỆ



*Bà Đoàn Thị Hiến - thân mẫu
ông Huỳnh Văn Nghệ.*



Ông Huỳnh Văn Nghệ và vợ

*Ông Huỳnh Văn Nghệ
tại quê hương năm 1975.*



Ông Huỳnh Văn Nghệ và hai con.



*Huỳnh Văn Nghệ và con rể Nguyễn Công Minh
tại Tà Thiết - Lộc Ninh.*

BÀI DỰ THI: TÌM HIỂU GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐỒNG NAI 2014

*Huỳnh Văn Nghệ
làm việc
tại Căn cứ Trung ương
Cục miền Nam.*



Huỳnh Văn Nghệ với các sĩ quan quân đội CHDC Đức.



*Ông bà Huỳnh Văn Nghệ tại nhà số 10 Lý Nam Đế
năm 1972.*



*Huỳnh Văn Nghệ và Phan Trọng Tuệ đi công tác ở
chiến khu Đ.*

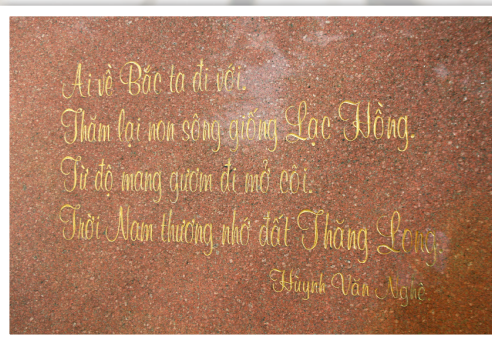


*Ông Huỳnh Văn Nghệ bên nền nhà cũ ở Tân Tịch, nơi tập kết đầu tiên
của Vệ quốc đoàn Biên Hòa tháng 10-1945.*

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA NGƯỜI DỰ THI
TRONG HÀNH TRÌNH TÌM HIỂU VỀ
THI TƯỚNG CHIẾN KHU XANH
HUỲNH VĂN NGHỆ**



Tác giả viếng mộ ông Huỳnh Văn Nghệ.



Tham quan phòng trưng bày hình ảnh, di vật của ông Huỳnh Văn Nghệ.

BÀI DỰ THI: TÌM HIỂU GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐỒNG NAI 2014



Huân chương chiến thắng hạng nhất do Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng cho ông Huỳnh Văn Nghệ năm 1958.



Thanh gươm của ông Huỳnh Văn Nghệ tại phòng trưng bày hình ảnh và di vật.



Thắp hương tại đền thờ ông Huỳnh Văn Nghệ.



Đọc bài thơ Thanh gươm ông Tám Nghệ.



Đọc sổ ghi cảm tưởng của những người viếng thăm đền thờ ông Huỳnh Văn Nghệ.



Với bài thi đã hoàn tất.